

Số: 3705/TCT-CS

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

V/v chính sách thuế

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Tổng cục Thuế nhận được được công văn số 9539/CTDON-TTHT ngày 19/7/2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về thuế thu nhập cá nhân

- Khoản 1 Điều 2 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 quy định:

“Điều 2. Đối tượng nộp thuế

1. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.”

- Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“Điều 1. Người nộp thuế

Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

...

4. Người nộp thuế theo hướng dẫn tại các khoản 1 và 2, Điều này bao gồm:

a) Cá nhân có quốc tịch Việt Nam kể cả cá nhân được cử đi công tác, lao động, học tập ở nước ngoài có thu nhập chịu thuế.

b) Cá nhân là người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng có thu nhập chịu thuế, bao gồm: người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.”

- Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 25/2018/TT-BTC) quy định:

“4. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn là khoản thu nhập cá nhân nhận được bao gồm:

a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn (bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

b) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

c) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp cá nhân không cư trú không có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam thì không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trong doanh nghiệp tại Nhật Bản.

2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tại khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 14/2008/QH12 quy định:

“2. Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phải nộp thuế TNDN như sau:

...

d) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.”

- Tại Điều 3 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 quy định:

“Điều 3. Thu nhập chịu thuế

1. Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; ...”

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế quy định:

“1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 3 như sau:

3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các Điểm c, d Khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa, cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức cá nhân Việt Nam

hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam hoặc từ chuyển nhượng vốn, dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

“c) Đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) có hoạt động chuyển nhượng vốn thì thực hiện kê khai, nộp thuế như sau:

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Việc kê khai thuế, nộp thuế được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế.”

- Tại Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“2. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp là khai theo từng lần phát sinh, khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia; hợp nhất; sáp nhập; chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; giải thể; chấm dứt hoạt động...

Các trường hợp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh:

- *Khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh áp dụng đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn.”*

- Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Hiệp định giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập quy định:

“2. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ chuyển nhượng cổ phiếu do một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia phát hành có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nếu:

a) Cổ phiếu do người chuyển nhượng nắm giữ hoặc sở hữu (cùng với cổ phiếu do bất kỳ đối tượng nào khác có liên quan cùng nắm giữ hoặc sở hữu) tổng cộng ít nhất là đạt tới 25 phần trăm tổng số cổ phiếu do công ty đó phát hành vào bất cứ thời điểm nào trong năm tính thuế; và

b) Tổng số cổ phiếu do người chuyển nhượng và những đối tượng có liên quan chuyển nhượng trong năm tính thuế đó tổng cộng ít nhất 5 phần trăm của tổng số cổ phiếu do công ty đó phát hành.

3. Mặc dù có những quy định của khoản 2, lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu do một công ty phát hành nhưng không được mua bán thường xuyên trên thị trường chứng khoán được chấp nhận của một Nước ký kết, hoặc từ việc chuyển nhượng quyền lợi trong một tổ chức hùn vốn, một tổ chức tín thác hay bất động sản, có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi tài sản của công ty, tổ chức hùn vốn, tổ chức tín thác hay bất động sản đó bao gồm chủ yếu các bất động sản đặt tại Nước ký kết đó...

Căn cứ quy định nêu trên, về nguyên tắc trường hợp các nhà đầu tư là tổ chức chuyển nhượng vốn góp trong Showa Denko Materials Co., Ltd. tại Nhật Bản sở hữu gián tiếp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Công nghệ năng lượng CSB (Việt Nam) nếu có phát sinh thu nhập thì thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. Công ty TNHH Công nghệ năng lượng CSB (Việt Nam) có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Trường hợp đề xuất xem xét áp dụng Hiệp định giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam thì doanh nghiệp nộp hồ sơ Thông báo miễn giảm thuế theo Hiệp định đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để cơ quan thuế xem xét, hướng dẫn theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Đồng Nai biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCTr. Đặng Ngọc Minh (để báo cáo);
- Các Vụ: HTQT, PC, DNNCN;
- Cục Thuế DNL;
- Lưu VT, CS (2b).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Mạnh Thị Tuyết Mai